

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 53

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Công ty

Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0100103351 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/12/2025.

Trụ sở chính

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/06/2026
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/01/2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Trần Thu Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/01/2026
	Thành viên	Từ ngày 12/01/2026
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2026
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Hậu	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Ngô Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Phạm Hà Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Tống Viết Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/07/2026
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2026
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Ông Vũ Văn Hậu - Tổng Giám đốc.

Ông Đỗ Hoàng Hà - Phó Tổng Giám đốc được Ông Vũ Văn Hậu ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 theo Giấy ủy quyền số 153 UQ/ĐT-VP ngày 08/04/2026.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Hà

Số: 650/BCKT-TC/AVA.NV12

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28/08/2026, từ trang 7 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đề ngày 27/08/2025 trình bày Kết luận ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty và các Công ty con của Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với tổng số tiền khoảng 50 tỷ VND.
- Tại ngày 30/06/2025, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thái tro xi Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, Kiểm toán viên tiền nhiệm chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có).
- Tại ngày 30/06/2025, khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc” đánh giá theo giá trị phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2025. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết “Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông”, “Công ty cổ phần Viettronimex”, “Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa”, “Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam”, “Công ty TNHH DM Vina” do không thu thập được báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025, Tổng Công ty đánh giá giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của các Công ty này tại ngày 31/12/2024.
- Tại Công ty con là “Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức”, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu quá hạn số tiền 13,34 tỷ VND; chưa thực hiện trích lập dự phòng tồn kho một số mặt hàng lỗi thời và chậm luân chuyển tổng giá trị là 18,63 tỷ VND; không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước”; chưa thực hiện trích khấu hao cho một số tài sản cố định ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2024 là 4,57 tỷ VND.

Các vấn đề nêu trên đã được Tổng Công ty xử lý tại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 27/03/2026 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Bùi Quang Hợp

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1796-2023-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623.417.066.293	614.268.961.343
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.540.411.716	96.606.284.276
1. Tiền	111		25.349.411.716	67.415.284.276
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.191.000.000	29.191.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	390.156.032.519	194.226.891.313
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(85.094.964)	(85.094.964)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		390.853.731.233	194.924.590.027
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		(900.000.000)	(900.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.430.808.537	273.533.145.054
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	149.631.875.404	315.726.001.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	40.571.840.941	27.140.524.827
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	41.458.826.850	38.585.573.160
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(105.381.449.109)	(108.068.669.025)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		149.714.451	149.714.451
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	61.802.076.038	47.398.161.216
1. Hàng tồn kho	141		94.690.529.079	81.127.710.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(32.888.453.041)	(33.729.549.007)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.487.737.483	2.504.479.484
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	666.575.012	1.423.428.681
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		4.277.338.627	145.258.207
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	1.543.823.844	935.792.596

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.062.709.540	196.425.379.611
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.351.192.740	18.351.192.740
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	18.215.447.540	18.215.447.540
2. Phải thu dài hạn khác	215	V.5	135.745.200	135.745.200
II. Tài sản cố định	220		100.606.488.940	104.061.277.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	66.843.434.333	69.974.380.627
- Nguyên giá	222		238.311.948.595	238.274.532.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.468.514.262)	(168.300.152.248)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.763.054.607	34.086.896.633
- Nguyên giá	228		46.104.084.706	46.104.084.706
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.341.030.099)	(12.017.188.073)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	8.484.516.627	8.799.944.019
- Nguyên giá	241		41.120.042.125	41.120.042.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(32.635.525.498)	(32.320.098.106)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		9.952.321.851	9.952.321.851
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	9.952.321.851	9.952.321.851
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	42.056.072.601	42.481.683.297
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		42.056.072.601	42.481.683.297
VII. Tài sản dài hạn khác	270		11.612.116.781	12.778.960.444
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	9.890.883.803	11.010.286.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.13	1.721.232.978	1.768.673.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		814.479.775.833	810.694.340.954

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026****(Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	Đơn vị tính: VND
				01/01/2026 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		193.757.175.791	203.268.735.144
I. Nợ ngắn hạn	310		113.318.191.104	123.246.967.081
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	41.420.394.254	74.395.617.345
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	34.904.363.734	13.139.695.488
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		3.350.078.717	3.338.970.517
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	4.001.950.731	3.723.600.286
5. Phải trả người lao động	315		6.410.219.835	9.096.896.254
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	4.318.890.885	2.634.893.448
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	347.900.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	14.953.966.352	6.601.353.147
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	1.894.916.000	8.665.000.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.20	368.880.014	368.880.014
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.694.530.582	934.160.582
II. Nợ dài hạn	330		80.438.984.687	80.021.768.063
1. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.17	14.629.419.511	14.350.529.503
2. Phải trả dài hạn khác	338	V.18	37.196.084.147	37.113.324.147
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.13	27.322.375.126	27.266.808.510
4. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.20	1.291.105.903	1.291.105.903

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	620.722.600.042	607.425.605.810
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.016.414.775	51.723.240.053
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		26.619.705	26.619.705
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.769.385.872	14.384.448.066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		20.865.454.444	(46.483.649.576)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		11.903.931.428	60.868.097.642
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		117.884.326.382	123.265.444.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		814.479.775.833	810.694.340.954

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Lê Hữu Nghị

Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Hà

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.905.065.672	161.518.368.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		85.960.789	110.350.047
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.819.104.883	161.408.018.713
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	72.451.453.235	102.963.712.851
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.367.651.648	58.444.305.862
6. Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	8.947.147.353	4.497.975.702
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	79.396.804	156.989.040
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		51.308.822	27.012.248
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.979.521.387	20.898.430.613
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	33.981.957.472	39.006.392.736
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		241.824.304	177.560.237
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.515.747.642	3.058.029.412
13. Thu nhập khác	31	VI.7	6.563.536.407	4.485.548.354
14. Chi phí khác	32	VI.8	719.927.526	2.478.894.302
15. Lợi nhuận khác	40		5.843.608.881	2.006.654.052
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.359.356.523	5.064.683.464
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.989.355.009	2.459.561.738
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		103.007.282	1.848.605.366
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.266.994.232	756.516.360
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.903.931.428	(3.037.020.960)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.363.062.804	3.793.537.320
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	272	(90)
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	272	(90)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghị



Vũ Văn Tuấn



Đỗ Hoàng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.359.356.523	5.064.683.464
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.874.831.432	4.344.548.906
- Các khoản dự phòng	03	(3.528.315.882)	358.554.420
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.035.385	(53.795.538)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(8.818.598.162)	(4.968.945.337)
- Chi phí đi vay	06	51.308.822	27.012.248
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.939.618.118	4.772.058.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	148.078.733.800	(8.371.587.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.562.818.856)	2.719.296.333
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.875.394.163)	10.186.970.368
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	1.876.256.665	(889.624.417)
- Chi phí đi vay đã trả	14	(51.308.822)	(27.012.248)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.573.548.220)	(2.227.271.901)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(739.630.000)	(940.375.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	140.091.908.522	5.222.454.133
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(104.615.720)	(181.363.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	366.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(269.650.000.000)	(72.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.800.000.000	72.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.026.845.823	7.730.538.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(189.927.769.897)	7.815.356.224

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.697.270.993	7.250.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.467.354.993)	(10.104.779.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.458.891.800)	(2.569.041.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.228.975.800)	(5.423.820.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(58.064.837.175)	7.613.990.157
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.606.284.276	101.678.180.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.035.385)	8.666.149
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	38.540.411.716	109.300.837.047

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghị



Vũ Văn Tuấn




Đỗ Hoàng Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/12/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty: 438.000.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 43.800.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV; - Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ - Thẩm định thiết kế xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Kiểm định xây dựng - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu.
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Sản xuất hóa chất cơ bản (Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính).
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như: Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp. (Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh-truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện; -Xây dựng công trình: Đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW.
- Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác. Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước).
- Dịch vụ đóng gói.
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự. Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. (Không bao gồm kinh doanh bất động sản).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá).
- Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm và trừ hoạt động đấu giá).
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn hóa chất.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ các loại Nhà nước cấm).
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có khung, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay; - Sản xuất bột mài, hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. Lắp đặt thiết bị y tế.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. - Kinh doanh các thiết bị, sản phẩm linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Buôn bán trang thiết bị, dụng cụ y tế Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử-tự động hoá, điện máy gia dụng và chuyên dùng; - Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; - Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin (trừ quảng cáo thuốc lá).
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Kinh doanh triển lãm.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, xây dựng, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc, các Công ty con và Công ty liên kết

Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty có 01 Đơn vị hạch toán phụ thuộc, 06 Công ty con và 05 Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động
Đơn vị hạch toán phụ thuộc						
Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics	Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học				Đang hoạt động
Các Công ty con						
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	61,59%	61,59%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%	97,01%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	92,47%	92,47%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	51,00%	51,00%	51,00%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%	51,00%	51,00%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	70,97%	70,97%	70,97%	Đang hoạt động

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động
Công ty liên kết						
Công ty cổ phần Viettronimex	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%	42,16%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%	33,77%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%	28,52%	Đang hoạt động
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49,00%	49,00%	49,00%	Ngừng hoạt động
Công ty TNHH DM Vina	Xã Bình Tuyền, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	41,74%	41,74%	41,74%	Đang hoạt động

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty và các Công ty con có 345 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2026, có 350 cán bộ nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 hàng năm.

Kỳ kế toán thường niên của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 20/04/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 43 được áp dụng phi hồi tố. Thông tư 43 có thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại thuyết minh số VIII.4 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng kỳ tài chính với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ phù hợp với từng nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; riêng tiền gửi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản. Các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì không đánh giá lại phần giá trị đã được trích lập dự phòng.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh phản ánh giá trị hiện có và tình hình mua, bán các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng nhưng được doanh nghiệp mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và khoản cho đơn vị khác vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tổng Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý và tài sản cố định hữu hình khác	02 - 08
Phần mềm máy tính	03

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại và được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Tổng Công ty.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận theo giá trị thuần (bằng nguyên giá trừ đi tổn thất). Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ phát sinh.

Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, chi phí sửa chữa và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tổng Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập báo cáo tài chính số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tổng Công ty có giao dịch vay.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là khoản doanh thu nhận trước, chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu sau khi trừ các chi phí phát hành liên quan.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được ghi nhận khi tài sản được đánh giá lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản sau đánh giá lại được xác định theo quy định pháp luật có liên quan.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi cho vay, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó, và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các khoản dự phòng đầu tư tài chính. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Tổng Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Tổng Công ty.

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận trong các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế của các khoản mục này theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

25. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

26. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Tổng Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Tiền mặt	1.201.242.697	792.739.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.148.169.019	66.622.544.749
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.268.747.227	44.250.226.275
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.431.403.575	14.919.005.919
- Các Ngân hàng khác	6.448.018.217	7.453.312.555
Các khoản tương đương tiền (i)	13.191.000.000	29.191.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.000.000.000	26.000.000.000
- Các Ngân hàng khác	1.191.000.000	3.191.000.000
Cộng	38.540.411.716	96.606.284.276

(i) Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 4,75%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,75%/năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn		Đơn vị tính: VND			
Khoản mục		30/06/2026		01/01/2026	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh		287.396.250	-	(85.094.964)	-
	Cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh	287.396.250	(i)	(85.094.964)	(i)
	Cộng	287.396.250	-	(85.094.964)	-

(i) Tại ngày 30/06/2026 và ngày 01/01/2026, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty chưa niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2026			01/01/2026 (Trình bày lại)		
Khoản mục	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	390.853.731.233	389.953.731.233	(900.000.000)	194.924.590.027	194.024.590.027	(900.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	191.065.000.000	191.065.000.000	-	181.215.000.000	181.215.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	45.265.000.000	45.265.000.000	-	39.265.000.000	39.265.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.000.000.000	72.000.000.000	-	92.300.000.000	92.300.000.000	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	49.100.000.000	49.100.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	24.600.000.000	24.600.000.000	-	26.600.000.000	26.600.000.000	-
- Các Ngân hàng khác	100.000.000	100.000.000	-	23.050.000.000	23.050.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	195.400.000.000	194.500.000.000	(900.000.000)	11.400.000.000	10.500.000.000	(900.000.000)
- Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thẻ Hệ Mới (ii)	184.000.000.000	184.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (iii)	9.000.000.000	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
- Nguyễn Anh Dũng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
- Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức I	900.000.000	-	(900.000.000)	900.000.000	-	(900.000.000)
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	4.388.731.233	4.388.731.233	-	2.309.590.027	2.309.590.027	-
Cộng	390.853.731.233	389.953.731.233	(900.000.000)	194.924.590.027	194.024.590.027	(900.000.000)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 3,4%/năm đến 8,5%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,1%/năm). Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi ngắn hạn với số tiền là 48.700.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(ii) Cho Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thế Hệ Mới vay theo hợp đồng vay vốn số 11/02/2026/HĐVV/VIETRONICS-THM ngày 11/02/2026 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2026/PLHĐ ngày 12/06/2026. Số tiền cho vay là 190.000.000.000 VND, số tiền thực tế đã giải ngân đến ngày 30/06/2026 là 184.000.000.000 VND. Mục đích cho vay để bên vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2026, lãi suất cho vay là 6,7%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng 20.477.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Sơn do Bà Trần Kim Khánh sở hữu theo Thỏa thuận tài sản đảm bảo ký ngày 11/02/2026.

(iii) Cho Công ty cổ phần Viettronics Vinh Phúc vay theo các hợp đồng gồm (1) Hợp đồng cho vay vốn số 01/2023/HĐVV/VTĐ/VVPC ngày 26/09/2023 và các phụ lục kèm theo, số tiền cho vay là 4.800.000.000 VND, mục đích cho vay để bên vay mua tài sản là nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên 2, Tỉnh Vĩnh Phúc. Lãi suất là 5,5%/năm, phương thức đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay theo hợp đồng; và (2) Hợp đồng cho vay vốn số 01/2024/HĐVV/VBĐ/VVPC và các phụ lục kèm theo, số tiền cho vay là 4.200.000.000 VND, mục đích cho vay để bên vay mua tài sản là nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên 2, Tỉnh Vĩnh Phúc. Lãi suất là 4,5%/năm, phương thức đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay theo hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết	78.273.151.211	-	42.056.072.601	78.273.151.211	-	42.481.683.297
Công ty cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	-	14.382.663.520	13.987.729.333	-	14.819.828.795
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	2.278.518.130	-	3.180.650.938	2.278.518.130	-	3.152.360.952
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	-	941.221.901	895.348.195	-	941.221.901
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	1.276.595.137	-	-	1.276.595.137	-	-
Công ty TNHH DM Vina	38.846.960.416	-	5.757.818.047	38.846.960.416	-	5.896.897.269
Công ty cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	17.500.000.000	-	17.793.718.195	17.500.000.000	-	17.671.374.380
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	-	-	510.000.000	-	-
Công ty cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	-	-	1.178.000.000	-	-
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-	-
Cộng	78.273.151.211	-	42.056.072.601	78.273.151.211	-	42.481.683.297

(i) Tại ngày 30/06/2026 và ngày 01/01/2026, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty chưa niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	30/06/2026		01/01/2026
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ
Các bên khác	145.435.423.810	(71.617.570.275)	311.529.550.047
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	(22.176.666.534)	22.176.666.534
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	21.903.643.706	(21.903.643.706)	22.453.643.706
Công ty TNHH Công nghệ thông tin và truyền thông GTEL	306.953.280	-	12.773.211.222
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ kỹ thuật Chấn Hưng	23.951.236.218	-	23.230.273.588
Công ty cổ phần GLC Vina	-	-	137.088.000.000
Các khách hàng khác	77.096.924.072	(27.537.260.035)	93.807.754.997
Bên liên quan	4.196.451.594	(4.196.451.594)	4.196.451.594
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	3.923.319.943	(3.923.319.943)	3.923.319.943
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651
Cộng	149.631.875.404	(75.814.021.869)	315.726.001.641
			(78.617.353.685)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Trả trước cho người bán

Khoản mục	30/06/2026		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	40.571.840.941	(14.631.155.889)	27.140.524.827	(14.509.893.089)
<i>Các bên khác</i>	<i>35.571.840.941</i>	<i>(14.631.155.889)</i>	<i>27.140.524.827</i>	<i>(14.509.893.089)</i>
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
Công ty TNHH Xpad	7.143.488.534	-	9.860.069.072	-
Công ty TNHH Giải pháp và dịch vụ Ais Việt Nam	4.296.100.810	-	-	-
Xin Ying Global Limited	4.960.882.650	(4.960.882.650)	4.960.882.650	(4.960.882.650)
Các nhà cung cấp khác	14.317.017.947	(4.815.922.239)	7.465.222.105	(4.694.659.439)
<i>Bên liên quan</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Phát triển Cosmo	5.000.000.000	-	-	-
Dài hạn	18.215.447.540	-	18.215.447.540	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 2 (i)	18.215.447.540	-	18.215.447.540	-
Cộng	58.787.288.481	(14.631.155.889)	45.355.972.367	(14.509.893.089)

(i) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về hợp đồng nguyên tắc thuê đất này liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty được trình bày tại thuyết minh số VIII.3.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Phải thu khác

Khoản mục	30/06/2026		Đơn vị tính: VND	
	01/01/2026		(Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	41.458.826.850	(14.936.271.351)	38.585.573.160	(14.941.422.251)
<i>Các bên khác</i>	41.228.329.902	(14.936.271.351)	38.355.076.212	(14.941.422.251)
Tạm ứng	14.708.717.781	-	14.883.819.336	-
Ký quỹ	108.326.464	-	124.326.464	-
Phải thu khác	26.411.285.657	(14.936.271.351)	23.346.930.412	(14.941.422.251)
<i>Bên liên quan</i>	230.496.948	-	230.496.948	-
Công ty TNHH DM Vina	230.496.948	-	230.496.948	-
Dài hạn	135.745.200	-	135.745.200	-
Ký quỹ	39.500.000	-	39.500.000	-
Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
Cộng	41.594.572.050	(14.936.271.351)	38.721.318.360	(14.941.422.251)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	30/06/2026 Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đơn vị tính: VND 01/01/2026 Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	76.288.305.963	474.284.094		78.736.208.597	118.854.912	
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	-	Trên 3 năm	22.176.666.534	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	21.903.643.706	-	Trên 3 năm	22.453.643.706	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần Công nghệ và Truyền thông Quốc tế Incotec	6.865.849.178	-	Trên 3 năm	6.865.849.178	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	3.923.319.943	-	Trên 3 năm	3.923.319.943	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn	3.249.190.948	-	Trên 3 năm	3.249.190.948	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	Trên 3 năm	2.800.000.000	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	15.369.635.654	474.284.094	Từ 2 năm đến trên 3 năm	17.267.538.288	118.854.912	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.631.155.889	-		14.509.893.089	-	
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	Trên 3 năm	4.854.351.000	-	Trên 3 năm
Xin Ying Global Limited	4.960.882.650	-	Trên 3 năm	4.960.882.650	-	Trên 3 năm
Foshan Rumpeng Electronic Limited Company	1.803.716.580	-	Trên 3 năm	1.803.716.580	-	Trên 3 năm
Các nhà cung cấp khác	3.012.205.659	-	Trên 3 năm	2.890.942.859	-	Trên 3 năm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (tiếp theo)

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	30/06/2026 Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đơn vị tính: VND 01/01/2026 Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khác	19.697.271.351	4.761.000.000		19.702.422.251	4.761.000.000	
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	Trên 3 năm	2.107.997.573	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần Xây dựng Toàn Lộc	7.460.000.000	4.761.000.000	Từ 2 đến 3 năm	7.460.000.000	4.761.000.000	Từ 2 đến 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Ngân Long	2.570.029.600	-	Trên 3 năm	2.570.029.600	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	-	Trên 3 năm	2.200.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty cổ phần tập đoàn Tecco	1.949.158.918	-	Trên 3 năm	1.949.158.918	-	Trên 3 năm
Các khoản phải thu khác	3.410.085.260	-	Trên 3 năm	3.415.236.160	-	Trên 3 năm
Cộng	110.616.733.203	5.235.284.094		112.948.523.937	4.879.854.912	
Tổng giá trị dự phòng đã trích lập			(105.381.449.109)			(108.068.669.025)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	13.659.810.725	(6.255.283.077)	9.576.397.046	(6.291.421.771)
Công cụ, dụng cụ	168.882.537	(75.848.878)	191.274.909	(75.848.878)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.159.399.495	(4.002.110.685)	25.681.802.832	(4.002.110.685)
Sản phẩm	33.011.101.019	(17.145.893.374)	31.000.914.933	(17.178.700.763)
Hàng hóa	18.224.706.990	(5.409.317.027)	13.968.383.190	(6.181.466.910)
Hàng gửi bán	466.628.313	-	708.937.313	-
Cộng	94.690.529.079	(32.888.453.041)	81.127.710.223	(33.729.549.007)

8. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	666.575.012	1.423.428.681
Công cụ, dụng cụ	354.778.009	330.546.335
Chi phí sửa chữa	274.802.123	435.205.895
Chi phí khác	36.994.880	657.676.451
Dài hạn	9.890.883.803	11.010.286.799
Công cụ, dụng cụ	483.613.310	384.054.934
Chi phí sửa chữa, phòng cháy chữa cháy	4.871.088.050	5.243.482.876
Chi phí thuê văn phòng	3.077.939.413	3.126.666.685
Chi phí khác	1.458.243.030	2.256.082.304
Cộng	10.557.458.815	12.433.715.480

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	43.964.970.144	1.943.122.040	195.992.522	46.104.084.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	9.966.098.765	1.855.096.786	195.992.522	12.017.188.073
Số tăng trong kỳ	304.500.276	19.341.750	-	323.842.026
- Khấu hao trong kỳ	304.500.276	19.341.750	-	323.842.026
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.270.599.041	1.874.438.536	195.992.522	12.341.030.099
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	33.998.871.379	88.025.254	-	34.086.896.633
Tại ngày cuối kỳ	33.694.371.103	68.683.504	-	33.763.054.607

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 1.945.697.062 VND (tại ngày 01/01/2026 là 1.945.697.062 VND).

Danh mục tài sản cố định vô hình

	30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng khu đất tại đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh	26.132.193.780	15.884.533.758
Quyền sử dụng khu đất tại số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	7.233.840.000	7.233.840.000
Quyền sử dụng khu đất tại số 29F Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	6.264.000.000	6.264.000.000
Quyền sử dụng khu đất tại số 118 Cát Bi, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	4.271.300.000	4.271.300.000
Các tài sản cố định vô hình khác	2.202.750.926	109.380.849
Cộng	46.104.084.706	33.763.054.607

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	30/06/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2026
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	41.120.042.125	-	-	41.120.042.125
Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
Nhà cửa, vật kiến trúc	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
Nhà và quyền sử dụng đất	18.716.065.486	-	-	18.716.065.486
Cơ sở hạ tầng	5.436.403.919	-	-	5.436.403.919
Giá trị hao mòn lũy kế	32.635.525.498	315.427.392	-	32.320.098.106
Quyền sử dụng đất	2.198.799.746	29.408.994	-	2.169.390.752
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.020.360.401	87.996.162	-	8.932.364.239
Nhà và quyền sử dụng đất	18.549.564.936	29.399.982	-	18.520.164.954
Cơ sở hạ tầng	2.866.800.415	168.622.254	-	2.698.178.161
Giá trị còn lại	8.484.516.627	(315.427.392)	-	8.799.944.019
Quyền sử dụng đất	1.612.593.154	(29.408.994)	-	1.642.002.148
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.135.819.419	(87.996.162)	-	4.223.815.581
Nhà và quyền sử dụng đất	166.500.550	(29.399.982)	-	195.900.532
Cơ sở hạ tầng	2.569.603.504	(168.622.254)	-	2.738.225.758

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 8.576.775.053 VND (tại ngày 01/01/2026 là 8.576.775.053 VND).

Bất động sản đầu tư đang hiện hữu

	30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại số 178 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội	3.811.392.900	1.612.593.154
Nhà văn phòng Trung tâm thương mại và Dịch vụ tại số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh	12.855.321.629	4.135.819.419
Các bất động sản đầu tư khác	24.453.327.596	2.736.104.054
Cộng	41.120.042.125	8.484.516.627

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không thấp hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		30/06/2026		01/01/2026
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
Xây dựng công trình VTB Green Building (i)	9.330.512.273	9.330.512.273	9.330.512.273	9.330.512.273
Công trình Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578	621.809.578	621.809.578
Cộng	9.952.321.851	9.952.321.851	9.952.321.851	9.952.321.851

(i) Công trình VTB Green Building tại số 06 đường Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.721.232.978	1.768.673.645
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.721.232.978	1.768.673.645
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	27.322.375.126	27.266.808.510
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.322.375.126	27.266.808.510

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các bên khác	41.420.394.254	74.395.617.345
Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	7.579.171.121	7.579.171.121
Công ty cổ phần Kỹ thương O&C	7.532.500.081	7.850.148.074
Công ty cổ phần Tiết kiệm năng lượng ESE Corp	6.591.083.832	6.591.083.832
Công ty cổ phần Công nghệ thông minh Tiến Phát	291.605.616	7.296.917.300
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Tekscom	2.497.136.040	7.553.065.800
Các nhà cung cấp khác	16.928.897.564	37.525.231.218
Cộng	41.420.394.254	74.395.617.345

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các bên khác	23.583.037.946	13.139.695.488
Công ty cổ phần Kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	20.091.890.697	10.705.150.977
Các khách hàng khác	3.491.147.249	2.434.544.511
Bên liên quan	11.321.325.788	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình	11.186.559.608	-
Tập đoàn Geleximco - CTCP	134.766.180	-
Cộng	34.904.363.734	13.139.695.488

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

16. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số phải nộp	Số phải thu	30/06/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	590.475.309	-	51.803.356	5.181.512.391	5.907.691.635	1.314.325.000	49.473.803
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	1.172.595.016	1.172.595.016	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	138.951.406	138.951.406	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.750.547	467.920.486	2.989.355.009	3.573.548.220	2.242.876.553	576.853.281	
Thuế thu nhập cá nhân	249.375.509	18.961.395	622.602.294	503.724.018	113.024.233	1.488.395	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.612.349.366	1.005.138.607	17.988.811.361	17.126.997.985	53.374.500	307.977.117	
Thuế khác	-	-	169.208.144	169.208.144	-	-	-
Cộng	4.001.950.731	1.543.823.844	28.263.035.621	28.592.716.424	3.723.600.286	935.792.596	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

17. Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	4.318.890.885	2.634.893.448
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối	551.955.053	497.235.027
Chi phí tiền lương lễ, tết	2.047.869.000	-
Chi phí tiền thuê đất	601.099.492	601.099.492
Chi phí khác	1.117.967.340	1.536.558.929
Dài hạn	14.629.419.511	14.350.529.503
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái	5.298.907.238	5.020.017.230
Chi phí công trình VTB Green Building	9.330.512.273	9.330.512.273
Cộng	18.948.310.396	16.985.422.951

18. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	14.953.966.352	6.601.353.147
Kinh phí công đoàn	472.225.540	359.767.249
Bảo hiểm xã hội	42.665.260	26.011.320
Nhận ký quỹ (i)	3.921.130.150	3.688.130.150
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.517.945.402	2.527.444.428
Dài hạn	37.196.084.147	37.113.324.147
Nhận ký quỹ (i)	37.196.084.147	37.063.324.147
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	50.000.000
Cộng	52.150.050.499	43.714.677.294

(i) Nhận ký quỹ của các khách hàng thuê văn phòng, kho, xưởng của Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

19. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026	Tăng	Giảm	01/01/2026
Ngắn hạn	1.894.916.000	5.697.270.993	12.467.354.993	8.665.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (i)	1.000.000.000	5.467.354.993	4.467.354.993	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD III (ii)	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Vay cá nhân	894.916.000	229.916.000	-	665.000.000

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0265/KHDN/25/HMCV ngày 06/06/2025, hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn và lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại hợp đồng cho vay (xem thêm thuyết minh số V.2).

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch III theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/324800/HĐTD ngày 30/06/2025, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2026, biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại hợp đồng tín dụng. Đến ngày 30/06/2026, Tổng Công ty đã tất toán hết khoản vay.

20. Dự phòng phải trả

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	368.880.014	368.880.014
Dự phòng bảo hành sản phẩm	368.880.014	368.880.014
Dài hạn	1.291.105.903	1.291.105.903
Dự phòng bảo hành sản phẩm	1.291.105.903	1.291.105.903
Cộng	1.659.985.917	1.659.985.917

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu								Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình (Trình bày lại)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	Cộng
Số dư đầu năm trước	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	53.234.868.452	26.619.705	(41.533.795.260)	134.028.576.396	550.717.169.650
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	60.868.097.642	7.822.079.149	68.690.176.791
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(999.996.485)	(831.535.395)	(1.831.531.880)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.910.604.000)	(4.910.604.000)
Biến động vốn chủ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	(1.519.684.964)	-	2.993.273.515	(1.473.588.551)	-
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	8.056.565	-	(1.705.208.394)	1.697.151.829	-
Điều chỉnh do thoái vốn Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(5.238.132.945)	-	(5.238.132.945)
Tặng, giảm khác	-	13.064.952.951	-	-	-	209.993	(13.066.634.750)	(1.471.806)
Số dư đầu năm nay	438.000.000.000	-	(19.974.146.692)	51.723.240.053	26.619.705	14.384.448.066	123.265.444.678	607.425.605.810
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	11.903.931.428	4.363.062.804	16.266.994.232
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	(886.833.549)	(613.166.451)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.470.000.000)	(1.470.000.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	293.174.722	-	7.367.839.927	(7.661.014.649)	-
Số dư cuối kỳ	438.000.000.000	-	(19.974.146.692)	52.016.414.775	26.619.705	32.769.385.872	117.884.326.382	620.722.600.042

ẤN
H GI
M
H A N

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tập đoàn Geleximco - CTCP	385.297.500.000	88,0%	385.297.500.000	88,0%
Các cổ đông khác	52.702.500.000	12,0%	52.702.500.000	12,0%
Cộng	438.000.000.000	100,0%	438.000.000.000	100,0%

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Ngoại tệ các loại	30/06/2026	01/01/2026
- Đô la Mỹ (USD)	138.407,80	238.971,53
- Euro (EUR)	455,91	466,05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.905.065.672	161.518.368.760
Cộng	129.905.065.672	161.518.368.760

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.451.453.235	102.963.712.851
Cộng	72.451.453.235	102.963.712.851

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.876.881.557	3.191.935.434
Lãi chênh lệch tỷ giá	70.265.796	72.772.420
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.233.267.848
Cộng	8.947.147.353	4.497.975.702

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí đi vay	51.308.822	27.012.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.087.982	129.976.792
Cộng	79.396.804	156.989.040

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nhân viên	5.516.726.879	5.622.808.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.742.305.323	2.702.506.875
Chi phí khác	10.720.489.185	12.573.115.049
Cộng	18.979.521.387	20.898.430.613

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nhân viên	19.413.523.187	19.195.927.978
Chi phí khác	14.568.434.285	19.810.464.758
Cộng	33.981.957.472	39.006.392.736

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tiền thuế giá trị gia tăng, tiền phạt thuế được hoàn lại	6.551.236.532	-
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	366.181.818
Thu từ bồi thường	-	2.106.334.980
Thu nhập khác	12.299.875	2.013.031.556
Cộng	6.563.536.407	4.485.548.354

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Xuất hàng tồn kho trả bảo hiểm tiền bồi thường	-	2.270.692.402
Chi phí khác	719.927.526	208.201.900
Cộng	719.927.526	2.478.894.302

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.989.355.009	2.459.561.738
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.989.355.009	2.459.561.738

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.903.931.428	(3.037.020.960)
Trừ số trích quỹ phúc lợi, khen thưởng người quản lý	-	(886.833.549)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.903.931.428	(3.923.854.509)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	272	(90)
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	272	(90)

Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận trong kỳ có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng người quản lý. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng người quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 thì lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu trong kỳ sẽ giảm đi tương ứng.

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng người quản lý từ lợi nhuận sau thuế năm 2025, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số được trình bày lại
Trừ số trích quỹ phúc lợi, khen thưởng người quản lý	-	(886.833.549)	(886.833.549)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.037.020.960)	(886.833.549)	(3.923.854.509)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(69)	(21)	(90)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(69)	(21)	(90)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.671.247.916	83.386.105.036
Chi phí nhân công	33.269.419.344	33.820.131.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.874.831.432	4.344.548.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.643.639.565	8.944.197.233
Chi phí khác bằng tiền	29.729.899.319	32.265.409.239
Cộng	130.189.037.576	162.760.391.876

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	30/06/2026	01/01/2026
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay nhưng chưa thu	4.388.731.233	2.309.590.027
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả	3.350.078.717	3.338.970.517

VIII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Geleximco - CTCP	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp Thái Bình	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Nhiệt điện Thăng Long	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Quốc tế Vigeba	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Ô tô GEL-O&J	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Giấy An Hòa	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Thiết bị khí tượng thủy văn và môi trường Việt Nam	Công ty liên quan của người nội bộ
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Geleximco - CTCP	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng, dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình	1.123.036.200	-
Cộng	1.123.036.200	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**Mua hàng, dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	181.933.334	-
Cộng	181.933.334	-

Cổ tức được chia

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty cổ phần Viettronimex	543.445.000	1.086.890.000
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	123.990.000	-
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	-	85.550.000
Cộng	667.435.000	1.172.440.000

Các giao dịch khác

Ngày 11/02/2026, Bà Trần Kim Khánh - Thành viên Hội đồng quản trị (nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị) đã dùng 20.477.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Sơn do Bà Trần Kim Khánh sở hữu để đảm bảo khoản cho Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thế Hệ Mới vay theo hợp đồng vay vốn số 1102/2026/HĐVV/VIETTRONICS-THM ngày 11/02/2026 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2026/PLHĐ ngày 12/06/2026 (thuyết minh số V.2).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**Lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Bà Trần Kim Khánh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	150.000.000	-
Ông Lê Thanh Tuấn	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	225.048.000	185.898.000
Ông Vũ Hải Vĩnh	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	192.318.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	300.048.000	-
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	200.160.000	175.512.000
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	124.200.000	-
Ông Trần Nam Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	120.000.000	-
Ông Ngô Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Phạm Hà Duy	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	116.310.909	-
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	101.244.000	159.566.000
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	-
Bà Trần Thu Huế	Thành viên kiểm soát	60.000.000	-
Bà Vũ Hoài Anh	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	40.000.000	174.752.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Nguyên Thành viên kiểm soát	-	18.000.000
Ông Phạm Trung Hoàng	Nguyên Thành viên kiểm soát	-	18.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	-	169.726.572
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	184.080.000	-
Cộng		1.861.090.909	1.183.772.572

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:**Cho vay ngắn hạn**

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	900.000.000	900.000.000
Cộng	9.900.000.000	9.900.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty con của Tổng Công ty là Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình đã thực hiện ký hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý & Phát triển nhà Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm ngày 30/06/2026, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND trên tổng giá thanh toán bằng ngoại tệ là 1.228.800 USD (theo hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi số dư trên khoản mục "Trả trước cho người bán dài hạn - mã số 212" của báo cáo tình hình tài chính. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi các bên chính thức ký hợp đồng.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để so sánh với số liệu kỳ này.

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2025	31/12/2025	
		Số đã trình bày	Trình bày lại	Số được trình bày lại
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	621.437.074.309	(7.168.112.966)	614.268.961.343
Tiền	111	71.365.284.276	(3.950.000.000)	67.415.284.276
Các khoản tương đương tiền	112	27.191.000.000	2.000.000.000	29.191.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	179.265.000.000	15.659.590.027	194.924.590.027
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.400.000.000	(11.400.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	-	38.585.573.160	38.585.573.160
Phải thu ngắn hạn khác	136	40.895.163.187	(40.895.163.187)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	-	(33.729.549.007)	(33.729.549.007)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(31.551.167.218)	31.551.167.218	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.413.159.858	(6.413.159.858)	-
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	-	1.423.428.681	1.423.428.681
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	191.435.648.434	4.989.731.177	196.425.379.611
Chi phí trả trước dài hạn	261	6.020.555.622	(6.020.555.622)	-
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	-	11.010.286.799	11.010.286.799
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		812.872.722.743	(2.178.381.789)	810.694.340.954

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Thông tin so sánh (tiếp theo)**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất**

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2025		31/12/2025
		Số đã trình bày	Trình bày lại	Số được trình bày lại
NỢ NGẮN HẠN	310	125.346.967.081	(2.100.000.000)	123.246.967.081
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	3.338.970.517	3.338.970.517
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.734.893.448	(4.734.893.448)	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	-	2.634.893.448	2.634.893.448
Phải trả ngắn hạn khác	319	9.940.323.664	(9.940.323.664)	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	-	6.601.353.147	6.601.353.147
NỢ DÀI HẠN	330	80.100.149.852	(78.381.789)	80.021.768.063
Chi phí phải trả dài hạn	333	15.720.017.195	(15.720.017.195)	-
Chi phí phải trả dài hạn	334	-	14.350.529.503	14.350.529.503
Dự phòng phải trả dài hạn	343	-	1.291.105.903	1.291.105.903
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	607.425.605.810	-	607.425.605.810
Cổ phiếu quỹ	415	(13.064.948.729)	13.064.948.729	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	136.330.393.407	(13.064.948.729)	123.265.444.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	812.872.722.743	(2.178.381.789)	810.694.340.954

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Lê Hữu Nghị

Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Hà